

NGHỊ QUYẾT

Về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa
và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Nghị quyết này không áp dụng đối với cơ quan tài phán Việt Nam có thẩm quyền khi xét xử vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về bảo hộ đầu tư mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tranh chấp đầu tư quốc tế* là tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm: tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổ chức kinh tế là công ty hợp danh có đa số

thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài) và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức của Việt Nam được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước Việt Nam) tại cơ quan tài phán Việt Nam, nước ngoài hoặc quốc tế theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về bảo hộ đầu tư mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và cơ quan nhà nước Việt Nam;

b) Hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài.

2. *Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế* là cơ quan được xác định theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này (sau đây gọi chung là Cơ quan chủ trì).

3. *Cơ quan đại diện pháp lý cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế* là Bộ Tư pháp (sau đây gọi chung là Cơ quan đại diện pháp lý).

4. *Biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện* là quyết định hoặc hành vi của cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam mà nhà đầu tư nước ngoài đó cho rằng vi phạm hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận.

5. *Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan* là cơ quan nhà nước Việt Nam, tổ chức, cá nhân liên quan tới việc phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được Cơ quan chủ trì hoặc Cơ quan đại diện pháp lý mời hoặc yêu cầu tham gia phòng ngừa, giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. *Tổ công tác liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế* là Tổ công tác do Cơ quan chủ trì thành lập, gồm đại diện các cơ quan, tổ chức liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế, có nhiệm vụ tư vấn cho Cơ quan chủ trì trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

7. *Chuyên gia* là người có kiến thức chuyên môn, kỹ thuật hoặc kinh nghiệm đối với vấn đề liên quan được Cơ quan chủ trì mời tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

8. *Người làm chứng* là người biết về tình tiết liên quan đến vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và tham gia vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì.

9. *Ban chỉ đạo liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế* là tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập trên cơ sở đề xuất của Cơ quan chủ trì để thực hiện chức năng chỉ đạo, điều phối liên ngành trong giải quyết vụ việc

tranh chấp đầu tư quốc tế có biện pháp bị kiện liên quan tới các cơ quan không phải là cơ quan hành chính nhà nước, ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại, an ninh, quốc phòng.

10. *Cơ chế phản hồi nhà đầu tư nước ngoài* là hệ thống theo dõi, xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài và đánh giá rủi ro phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc.

2. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và sự phối hợp kịp thời, đầy đủ, hiệu quả của cơ quan nhà nước và cơ quan, tổ chức liên quan trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước, tổ chức có trách nhiệm chủ động tổ chức các biện pháp phòng ngừa và kịp thời xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài; chịu trách nhiệm khi có quyết định hoặc hành vi là nguyên nhân gây ra vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và bị cơ quan tài phán Việt Nam, nước ngoài hoặc quốc tế có thẩm quyền xác định vi phạm hiệp định đầu tư, hợp đồng hoặc thỏa thuận.

4. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm kịp thời tổ chức, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được giao; chịu trách nhiệm trong trường hợp chậm trễ, gây thiệt hại cho cơ quan nhà nước Việt Nam.

5. Cơ quan đại diện pháp lý có trách nhiệm tư vấn, phối hợp chặt chẽ, kịp thời với Cơ quan chủ trì trong thực hiện công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ và kịp thời với Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế; chịu trách nhiệm về hậu quả phát sinh do không phối hợp hoặc phối hợp không đúng, không đầy đủ theo quy định của pháp luật về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

7. Tăng cường minh bạch, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 5. Áp dụng pháp luật

1. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định tại Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này được áp dụng trong trường hợp có nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề.

3. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định về chế độ, chính sách khác với quy định của Nghị quyết này thì áp dụng chế độ, chính sách ưu đãi hơn cho công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị quyết này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Chương II

PHỐI HỢP PHÒNG NGỪA TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 6. Nội dung phối hợp phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Phối hợp trong tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật, đàm phán, ký và chấp nhận các cam kết quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài.

2. Phối hợp trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Phối hợp thực hiện Cơ chế phản hồi nhà đầu tư nước ngoài nhằm ngăn ngừa phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức và nâng cao năng lực của cán bộ, công chức, viên chức trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 7. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức trong xây dựng và thực thi pháp luật, chính sách liên quan đến đầu tư nước ngoài, đàm phán, ký và chấp nhận các cam kết quốc tế

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, đánh giá quy định về đầu tư nước ngoài theo pháp luật về đầu tư.

2. Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm sau đây:

a) Rà soát, đánh giá và đề xuất xử lý quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;

b) Rà soát, đánh giá việc đàm phán, ký và thực hiện hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực hiệp định đầu tư không còn phù hợp với Việt Nam; xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn, cản trở việc thực hiện các hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, kịp thời xử lý vi phạm trong hoạt động đầu tư nước ngoài tại địa phương.

4. Chính phủ quy định cơ chế đăng ký đầu tư bảo đảm việc thu hút đầu tư nước ngoài hiệu quả, ổn định, giảm thiểu phát sinh tranh chấp.

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài

1. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài được tiếp nhận trực tiếp tại cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và thông qua Công thông tin quốc gia về đầu tư.

2. Cơ quan nhà nước nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không có thẩm quyền giải quyết phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao toàn bộ thông tin, tài liệu đã nhận đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý Công thông tin quốc gia về đầu tư và Cơ quan đại diện pháp lý.

3. Cơ quan quản lý Công thông tin quốc gia về đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc chuyển xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài; đồng thời tổng hợp, theo dõi và phân tích thông tin nhằm phát hiện sớm nguy cơ phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài kịp thời, thống nhất, đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hướng tới phòng ngừa, hạn chế nguy cơ phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế. Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu, ý kiến chuyên môn và tham gia vào việc thương lượng, tham vấn theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài.

5. Trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài quyết định việc thuê luật sư tư vấn trong quá trình giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại.

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức trong thực hiện Cơ chế phản hồi nhà đầu tư nước ngoài

1. Cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài thông báo tới cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư khi nhận thấy có khả năng phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế hoặc có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết khác với nhà đầu tư nước ngoài.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thực hiện tiếp nhận, tổng hợp, điều phối, theo dõi việc xử lý và cập nhật tình hình, kết quả giải quyết đến nhà đầu tư nước ngoài, đề xuất biện pháp xử lý, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

3. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương thực hiện phân tích, đánh giá các nội dung phản ánh, kiến nghị, khiếu nại và xử lý theo thẩm quyền.

4. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thể giải quyết dứt điểm phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có quyền đề nghị Cơ quan đại diện pháp lý đánh giá rủi ro phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, đề xuất biện pháp xử lý (nếu có).

5. Chính phủ quy định chi tiết Cơ chế phản hồi nhà đầu tư nước ngoài nhằm ngăn ngừa phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 10. Trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kiến thức và nâng cao năng lực về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, ngành, địa phương mình về pháp luật thương mại, đầu tư quốc tế; phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, Cơ quan đại diện pháp lý có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Chương III

PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 11. Nội dung phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Xác định Cơ quan chủ trì.
2. Phân định trách nhiệm của Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý và các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.
3. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.
4. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án hòa giải vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 12. Xác định Cơ quan chủ trì

1. Cơ quan chủ trì là cơ quan trực tiếp có hoặc đề xuất biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện.

2. Trường hợp cơ quan trực tiếp có hoặc đề xuất biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện là cơ quan tiến hành tố tụng hoặc các biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện liên quan đến hai hoặc nhiều cơ quan, cơ quan nhận được văn bản thể hiện ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan đại diện pháp lý để báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định Cơ quan chủ trì.

Điều 13. Trách nhiệm của Cơ quan chủ trì

1. Đầu mối quản lý, điều phối và chịu trách nhiệm toàn diện đối với việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế. Cơ quan chủ trì có thẩm quyền quyết định các vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Chủ trì xây dựng Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế bảo đảm kịp thời, có phương án giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, có giải pháp thương lượng, hòa giải phù hợp.

3. Chủ trì xây dựng, quyết định tiêu chí, quy trình lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là luật sư) đại diện cho Cơ quan nhà nước Việt Nam trong giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và đàm phán, ký, quản lý hợp đồng dịch vụ pháp lý với luật sư theo mức phí của thị trường.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán Việt Nam, nước ngoài hoặc quốc tế.

5. Trường hợp vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế có biện pháp bị kiện liên quan tới các cơ quan không phải là cơ quan hành chính nhà nước và ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại, an ninh, quốc phòng, trên cơ sở đánh giá sự cần thiết, Cơ quan chủ trì đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, có thành phần đại diện lãnh đạo của cơ quan không phải là cơ quan hành chính nhà nước có liên quan. Cơ quan chủ trì là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Trách nhiệm của Cơ quan đại diện pháp lý

1. Chịu trách nhiệm phối hợp với Cơ quan chủ trì trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Xây dựng, giới thiệu, cập nhật cho Cơ quan chủ trì danh sách chuyên gia pháp lý có thể làm trọng tài viên và danh sách luật sư cho cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết này.

4. Hỗ trợ, tư vấn cho Cơ quan chủ trì trong việc thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Điều 13 của Nghị quyết này.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, thống nhất, kịp thời với Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, bảo đảm tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết này, cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp kịp thời, chặt chẽ, đầy đủ với Cơ quan chủ trì.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn thông tin, tài liệu; cử người phối hợp, người làm chứng, chuyên gia; thực hiện nội dung khác theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý.

4. Người đứng đầu cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm phối hợp với Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý trong việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

5. Trường hợp để đáp ứng yêu cầu tố tụng và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì, người có thẩm quyền quyết định giải mật thực hiện giải mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và bảo đảm thời hạn hoàn thành theo đúng yêu cầu tố tụng.

Điều 16. Hòa giải

1. Trong quá trình giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài, xây dựng Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trên cơ sở diễn biến cụ thể, cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc Cơ quan chủ trì nghiên cứu, đánh giá khả năng và xây dựng phương án hòa giải, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Ban chỉ đạo liên ngành về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế xem xét, phê duyệt.

2. Việc hòa giải phải nhằm giải quyết dứt điểm phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, bảo đảm quyền và lợi ích của Việt Nam.

3. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc Cơ quan chủ trì quyết định việc thuê tư vấn độc lập để xây dựng phương án hòa giải.

4. Trường hợp phương án hòa giải được phê duyệt theo khoản 1 Điều này, cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan, tổ chức liên quan, luật sư và hòa giải viên (nếu có) tiến hành hòa giải theo đúng phương án đã được phê duyệt, bảo đảm nội dung thỏa thuận hòa giải bao gồm việc nhà đầu tư nước ngoài từ bỏ toàn bộ quyền khởi kiện phát sinh từ vụ việc tranh chấp được hòa giải.

5. Thủ trưởng cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm toàn diện trong việc xây dựng và thực hiện phương án hòa giải.

6. Người tham gia xây dựng phương án và thực hiện hòa giải vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đúng quy trình, dựa trên ý kiến tư vấn độc lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án hòa giải được loại trừ, miễn trách nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và của cấp có thẩm quyền.

Chương IV

CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ NÂNG CAO HIỆU QUẢ

PHÒNG NGỪA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 17. Ngân sách phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Ngân sách phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác như sau:

a) Trường hợp Cơ quan chủ trì là cơ quan nhà nước ở trung ương, ngân sách phục vụ phòng ngừa và giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách trung ương bảo đảm;

b) Trường hợp Cơ quan chủ trì là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngân sách phục vụ phòng ngừa và giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách địa phương bảo đảm;

c) Tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, công ty con của doanh nghiệp nhà nước tự bảo đảm kinh phí phục vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chủ trì phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế có trách nhiệm lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý được mua sắm trực tiếp cơ sở dữ liệu trong nước và nước ngoài phục vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Chế độ, chính sách cho người làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Người thường xuyên làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại Cơ quan đại diện pháp lý được hưởng chế độ, chính sách như sau:

a) Được đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết, được đầu tư nguồn lực và trang

thiết bị đặc biệt để thực hiện nội dung của chương trình, đề án, đề tài, công trình nghiên cứu khoa học đã được cấp có thẩm quyền đánh giá là khả thi, đề nghị áp dụng trong thực tiễn;

b) Được xem xét cử tham gia hội thảo, tập huấn trong nước và quốc tế hoặc chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức ngắn hạn tối đa 01 năm, khóa học cấp chứng chỉ quốc tế chuyên sâu trong nước và quốc tế liên quan đến lĩnh vực công tác, nhiệm vụ được giao và định hướng phát triển;

c) Được rút ngắn thời gian xét nâng lương mà không bị tính vào tỷ lệ giới hạn công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Người có vị trí việc làm về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các Bộ, ngành, địa phương được hưởng mức lương theo ngạch công chức; phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) và các khoản phụ cấp lương đối với công chức hành chính; đồng thời được hỗ trợ hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp). Khoản hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Người trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại Cơ quan đại diện pháp lý và Cơ quan chủ trì được hưởng hỗ trợ hằng tháng không quá 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) đối với thời gian tham gia trực tiếp giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế. Khoản hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

4. Người tham gia Tổ công tác liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trừ trường hợp được hưởng theo quy định tại khoản 3 Điều này, được hưởng mức lương theo ngạch công chức; phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) và các khoản phụ cấp lương đối với công chức hành chính; đồng thời được hưởng phụ cấp tăng thêm hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) đối với thời gian trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo quyết định của Cơ quan chủ trì. Khoản hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

5. Người trực tiếp làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các Bộ, ngành, địa phương được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực; được bảo đảm điều kiện làm việc, tiếp cận thông tin theo yêu cầu của công việc; được rút ngắn thời gian xét nâng lương mà không bị tính vào tỷ lệ giới hạn công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn.

6. Trường hợp người được hưởng khoản hỗ trợ thuộc đối tượng được hưởng đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ hằng tháng thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương bố trí nhân sự phù hợp để bảo đảm thực hiện công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Chính phủ quy định việc thành lập, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Trung tâm này là đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu về phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Cơ chế, chính sách đặc thù cho người lao động và hoạt động của Trung tâm này không vượt quá các cơ chế, chính sách đặc thù đã được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội.

5. Chính phủ ban hành văn bản theo thẩm quyền để quy định các nội dung chưa được quy định hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc của Nghị quyết này và kịp thời giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế; trường hợp vượt thẩm quyền, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, công ty con của doanh nghiệp nhà nước được áp dụng quy định từ Điều 11 đến Điều 17 và Điều 21 của Nghị quyết này trong quá trình giải quyết tranh chấp quốc tế để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; công chức, viên chức, người tham gia xây dựng, ban hành, thi hành Nghị quyết này, văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này và người trực tiếp làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các Bộ, ngành, địa phương được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Các tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa có phán quyết chung thẩm của cơ quan tài phán Việt Nam, nước ngoài hoặc quốc tế thì được tiếp tục giải quyết theo các quy định của Nghị quyết này, trừ quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**Trần Thanh Mẫn**